

Số: 401/TTYT-KD
V/v mời chào giá vật tư, hoá chất xét
nghiệm phục vụ công tác chuyên môn
cho Trung tâm Y tế TP Móng Cái
năm 2025

Móng Cái, ngày 02 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam
Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-TTYT ngày 03/3/2025 Về việc ban hành quy
trình mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ và bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại Trung
tâm Y tế thành phố Móng Cái (Gói thầu có giá thầu trên 300 triệu đồng);
Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham
khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu
Mua sắm vật tư, hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn cho Trung
tâm Y tế thành phố Móng Cái năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái - Đường Tuệ
Tĩnh, Phường Ninh Dương, TP Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Hoàng Hà My- Nhân viên khoa Dược - TTB VTYT; SĐT: 0971839628

Email: ttytmc.syt@quangninh.gov.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái - Đường Tuệ
Tĩnh, Phường Ninh Dương, TP Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua Email: ttytmc.syt@quangninh.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 02 tháng 4 năm 2025 đến 8h30
ngày 14 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 02 tháng

3 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, hoá chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn cho Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái năm 2025: *Phụ lục 1 đính kèm.*

- Yêu cầu các đơn vị quan tâm gửi báo giá theo mẫu đính kèm: *Phụ lục 2* đính kèm.

2. Địa điểm nhận hàng; Tại Khoa Dược - TTB VTYT Trung tâm Y tế Móng Cái, Đường Tuệ Tĩnh, Phường Ninh Dương, TP Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- SYT QN (đăng tải)
- Bộ phận CNTT trung tâm;
- Lưu: VT, KD;



GIÁM ĐỐC



Đoàn Ngọc Thủy

Phụ lục 1:

(Kèm theo công văn số 401/TTYT-KD ngày 02/4/2025 của Trung tâm Y tế TP Móng Cái)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein) dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	9
2	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBs	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBs dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	1
3	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin) dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	4
4	Thuốc thử xét nghiệm CA 125	Thuốc thử xét nghiệm CA 125 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	7
5	Thuốc thử xét nghiệm CA 15-3	Thuốc thử xét nghiệm CA 15-3 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	7
6	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	8
7	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	5
8	Thuốc thử xét nghiệm CEA	Thuốc thử xét nghiệm CEA dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	9
9	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	7
10	Thuốc thử xét nghiệm Ferritin	Thuốc thử xét nghiệm Ferritin dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	13
11	Thuốc thử xét nghiệm PSA tự do	Thuốc thử xét nghiệm PSA tự do dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	6
12	Thuốc thử xét nghiệm FT4	Thuốc thử xét nghiệm FT4 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	8
13	Thuốc thử xét nghiệm HCG, beta-HCG	Thuốc thử xét nghiệm HCG, beta-HCG dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	25
14	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	10
15	Thuốc thử xét nghiệm PSA	Thuốc thử xét nghiệm PSA dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	5
16	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	8
17	Thuốc thử xét nghiệm TSH	Thuốc thử xét nghiệm TSH dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	13
18	Thuốc thử xét nghiệm T3	Thuốc thử xét nghiệm T3 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	4
19	Dung dịch pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	10
20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein) dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	4
21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	4

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
43	Chất phụ gia cho bình chứa nước cất cho máy phân tích miễn dịch	Chất phụ gia cho bình chứa nước cất cho máy phân tích miễn dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	20
44	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	40
45	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	1
46	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	1
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	5
48	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	2
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ACTH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ACTH dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	5
50	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	2
51	Vật liệu kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PIGF, sFlt	Vật liệu kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch ACTH, C-Peptide, hGH, Insulin, IL-6, PIGF, sFlt dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch Cobas E411	Hộp	2
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	8
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	8
54	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	3
55	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	5
56	Thuốc thử xét nghiệm α -Amylase	Thuốc thử xét nghiệm α -Amylase sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	4
57	Thuốc thử xét nghiệm Alkaline phosphate	Thuốc thử xét nghiệm Alkaline phosphate sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	1
58	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	12
59	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
77	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa mức 1	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa mức 1 sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Ronarch-400	Lọ	29
78	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa mức 2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa mức 2 sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Ronarch-400	Lọ	30
79	Thuốc thử xét nghiệm Iron	Thuốc thử xét nghiệm Iron sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	12
80	Thuốc thử xét nghiệm LDH	Thuốc thử xét nghiệm LDH sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	3
81	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	36
82	Thuốc thử xét nghiệm Lipase	Thuốc thử xét nghiệm Lipase sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	5
83	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	9
84	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Bộ	1
85	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor (RF)	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor (RF) sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	2
86	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor (RF)	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor (RF) sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	2
87	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor (RF)	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Rheumatoid Factor (RF) sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	9
88	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	44
89	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	65
90	Thuốc thử chẩn lượng Uric acid	Thuốc thử chẩn lượng Uric acid sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Hộp	10
91	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích sinh hoá	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích sinh hoá sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Can	18
92	Hoá chất khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy sinh hoá	Hoá chất khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy sinh hoá sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Chai	5
93	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích sinh hoá	Hoá chất rửa dùng cho máy phân tích sinh hoá sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động Monarch-400	Can	3
94	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
115	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Thuốc thử xét nghiệm Glucose sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	13
116	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	3
117	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	5
118	Chất pha loãng mẫu xét nghiệm sinh hóa	Chất pha loãng mẫu xét nghiệm sinh hóa sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	9
119	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cồng phản ứng	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cồng phản ứng sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	9
120	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa ngưỡng bệnh lý.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa ngưỡng bệnh lý sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1
121	Dung dịch 1 rửa kim hút cho máy sinh hóa	Dung dịch 1 rửa kim hút cho máy sinh hóa sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1
122	Dung dịch 2 rửa kim hút cho máy sinh hóa	Dung dịch 2 rửa kim hút cho máy sinh hóa sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1
123	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cồng phản ứng	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cồng phản ứng sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	3
124	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	5
125	Thuốc thử xét nghiệm Protein trong nước tiểu và dịch não tủy	Thuốc thử xét nghiệm Protein trong nước tiểu và dịch não tủy sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	3
126	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	23
127	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	9
128	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Thuốc thử xét nghiệm Ure sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	23
129	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bệnh lý.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bệnh lý sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	3
130	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Albumin (microalbumin)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Albumin (microalbumin) sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1
131	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1
132	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1
133	Dung dịch rửa có tính kiềm cho cồng phản ứng	Dung dịch rửa có tính kiềm cho cồng phản ứng sử dụng cho máy phân tích sinh hoá tự động C311	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
151	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca ⁺	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca ⁺ sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Chiếc	8
152	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Điện cực xét nghiệm định lượng pH sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Chiếc	8
153	Điện cực xét nghiệm định lượng quy chiếu	Điện cực xét nghiệm định lượng quy chiếu sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Chiếc	8
154	Hoá chất dùng cho máy phân tích điện giải	Hoá chất dùng cho máy phân tích điện giải sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Lọ	4
155	Dung dịch điện cực K dùng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch điện cực K dùng cho máy phân tích điện giải sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Lọ	4
156	Dung dịch điện cực Ca dùng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch điện cực Ca dùng cho máy phân tích điện giải sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Lọ	4
157	Dung dịch điện cực Ref dùng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch điện cực Ref dùng cho máy phân tích điện giải sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Lọ	4
158	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Chiếc	8
159	Dung dịch điện cực dùng cho máy phân tích điện giải	Dung dịch điện cực dùng cho máy phân tích điện giải sử dụng cho máy phân tích điện giải đồ tự động ERBA LYTE Ca plus	Lọ	1
160	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học sử dụng cho máy phân tích huyết học tự động Auto Star Diff 5	Thùng	100
161	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu sử dụng cho máy phân tích huyết học tự động Auto Star Diff 5	Chai	100
162	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu sử dụng cho máy phân tích huyết học tự động Auto Star Diff 5	Chai	60
163	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu sử dụng cho máy phân tích huyết học tự động Auto Star Diff 5	Chai	60
164	Vật liệu kiểm soát chất lượng dùng cho máy phân tích huyết học Laser	Vật liệu kiểm soát chất lượng dùng cho máy phân tích huyết học Laser sử dụng cho máy phân tích huyết học tự động Auto Star Diff 5	Lọ	30
165	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích huyết học tự động Auto Star Diff 5	Lọ	30
166	Dung dịch A rửa đầy hemoglobin	Dung dịch A rửa đầy hemoglobin sử dụng cho Máy xét nghiệm HBA1C	Hộp	9
167	Dung dịch B rửa đầy hemoglobin	Dung dịch B rửa đầy hemoglobin sử dụng cho Máy xét nghiệm HBA1C	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
188	Dung dịch rửa có tính kiềm	Dung dịch rửa có tính kiềm sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động CA620	Hộp	36
189	Dung dịch rửa có tính axit	Dung dịch rửa có tính axit sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động CA620	Hộp	3
190	Hóa chất đệm cho đông máu	Hóa chất đệm cho đông máu sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động CA620	Hộp	3
191	Cốc phản ứng	Cốc phản ứng sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động CA620	Túi	14
192	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất xét nghiệm PT sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	4
193	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hóa chất xét nghiệm APTT sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	3
194	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
195	Nội kiểm đông máu thường quy	Nội kiểm đông máu thường quy sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
196	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
197	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
198	Hóa chất rửa máy hệ thống đông máu tự động	Hóa chất rửa máy hệ thống đông máu tự động sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
199	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đo độ đông máu tự động sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
200	Cóng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy tự động	Cóng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Thùng	3
201	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer sử dụng cho máy đo độ đông máu tự động STACOMPACT MAX	Hộp	1
202	Hóa chất pha loãng và phân tích máu	Hóa chất pha loãng và phân tích máu sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Thùng	24
203	Thuốc nhuộm huỳnh quang nhân xác định số lượng 4 nhóm bạch cầu	Thuốc nhuộm huỳnh quang nhân xác định số lượng 4 nhóm bạch cầu sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Hộp	4
204	Chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WNR	Chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WNR sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Hộp	2
205	Dung dịch Ly giải màng tế bào trên kênh WDF	Dung dịch Ly giải màng tế bào trên kênh WDF sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Hộp	5
206	Dung dịch ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR	Dung dịch ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Hộp	5
207	Dung dịch đo hemoglobin	Dung dịch đo hemoglobin sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Hộp	5
208	Mẫu chuẩn máy mức 1	Mẫu chuẩn máy mức 1 sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Lọ	3
209	Mẫu chuẩn máy mức 2	Mẫu chuẩn máy mức 2 sử dụng cho máy xét nghiệm Huyết học XN-1000	Lọ	3

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
	phẩm có nguồn gốc lâm sàng			
223	Môi trường pha sẵn có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men.	Môi trường pha sẵn có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men.	Hộp	39
224	Môi trường pha sẵn được sử dụng để phân lập Shigella và Salmonella từ mẫu bệnh phẩm đường ruột	Môi trường pha sẵn được sử dụng để phân lập Shigella và Salmonella từ mẫu bệnh phẩm đường ruột	Hộp	26
225	Canh thang nghiền mẫu sinh thiết và Canh thang pha huyền dịch H.pylori làm kháng sinh đồ	Canh thang nghiền mẫu sinh thiết và Canh thang pha huyền dịch H.pylori làm kháng sinh đồ	Hộp	26
226	Môi trường chọn lọc phẩy khuẩn tả	Môi trường chọn lọc phẩy khuẩn tả	Hộp	26
227	Môi trường phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng di động	Môi trường phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng di động	Hộp	7
228	Môi trường tăng sinh cho vi khuẩn Vibrio spp trong nước, thực phẩm và trong lâm sàng	Môi trường tăng sinh cho vi khuẩn Vibrio spp trong nước, thực phẩm và trong lâm sàng	Hộp	1
229	Môi trường thạch nghiêng dùng để phân biệt và xác định Enterobacteriaceae	Môi trường thạch nghiêng dùng để phân biệt và xác định Enterobacteriaceae	Hộp	4
230	Môi trường pha sẵn sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B.	Môi trường pha sẵn sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B.	Hộp	39
231	Môi trường nuôi cấy pha sẵn có kháng sinh sử dụng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS)	Môi trường nuôi cấy pha sẵn có kháng sinh sử dụng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS)	Hộp	39
232	Môi trường dùng để nhận biết vi khuẩn sinh urease	Môi trường dùng để nhận biết vi khuẩn sinh urease	Hộp	78
233	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác	Thanh định danh trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram âm khác	Hộp	1

Phụ lục 2:

BÁO GIÁ

Kính gửi: ...[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá(gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan(VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1).	(2).	(3).	(4).	(5).	(6).	(7).	(8).	(9).	(10).	(11).	(12).
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
3											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: Ngày, kể từ ngày ... tháng Năm[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày Tháng..... Năm... [ghi ngày Tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày Tháng Năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))